

Bản án số: 32/2021/DS-ST

Ngày 20-5-2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và ông Hoàng Minh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa : Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Trụ sở: Tháp B, 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H – Giám đốc phòng giao dịch Đ - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Dương Trọng T – Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T – Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

Cùng địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06-01-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25-10-2018, ông Dương Trọng T đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đắk Nông số tiền 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), theo Hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD) số 01/2018/9127395/HĐTD ngày 25-10-2018; mục đích vay là chăm sóc cà phê, tiêu, trồng mới tiêu và sửa chữa nhà ở; thời gian vay: 11 tháng kể từ ngày 25-10-2018; lãi suất thỏa thuận là 10%/năm, có điều chỉnh; lịch trả nợ vay như sau:

+ Nợ gốc: Trả 01 lần khi đến hạn.

+ Nợ lãi: 03 tháng/lần vào ngày 05 của tháng thuộc kỳ trả nợ.

Để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn, ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T thế chấp Quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) đối với các thửa đất gồm:

Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 03, diện tích 13319,4m²;

Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 47, diện tích 7350m²;

Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 47, diện tích 9470m²;

Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 47, diện tích 5270m²;

Cả 04 thửa đất đều tọa lạc tại Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyết sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 230794, do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp ngày 15-9-2016 (thửa đất số 15) và số CD 319861, do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 26-5-2016 (các thửa đất số 10, 12, 13); Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông Trần Quốc T sau đó chuyển nhượng lại cho ông Dương Trọng T.

Việc thế chấp tài sản được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/9127395/HĐTC, công chứng ngày 27-10-2016, tại Văn phòng công chứng Đ; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ.

Kể từ sau khi vay đến nay ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 53.260.274 đồng; từ sau ngày 06-7-2019 không trả gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng cam kết trong hợp đồng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; trong đó ngày quá hạn trả lãi là ngày 06-7-2019 và ngày quá hạn trả gốc là 25-9-2019 (theo bảng tính lãi). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc cũng như đôn đốc nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, đến nay ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng mà còn bỏ đi khỏi địa phương. Tính đến ngày 31-10-2019 ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 1.274.630.137đ (*Một tỷ hai trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*), trong đó, tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng; Lãi suất là 74.630.137 đồng;

Do vậy, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T trả toàn bộ tiền gốc và lãi còn nợ nêu trên và ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T còn phải trả toàn bộ nợ lãi phát sinh theo HĐTD nêu trên kể từ sau ngày 31-10-2019 cho đến khi trả hết nợ vay.

Trường hợp ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm

quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng; trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả toàn bộ số tiền nợ của ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T thì ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng hoặc ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý đối với tài sản khác của ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T để đảm bảo thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29-6-2020 thể hiện: Qua kiểm tra, xác minh, đo đạc trên thực tế và ráp bản đồ thì đặc điểm tứ cận các thửa đất xem xét, thẩm định đúng như các Giấy chứng nhận QSDĐ của các thửa đất mà ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T thế chấp tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T trả tổng số tiền là 1.477.150.685 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, lãi trong hạn đến ngày 20-5-2021 là 255.123.288 đồng, lãi quá hạn đến ngày 20-5-2021 là 22.027.397 đồng, đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 20-5-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Ngoài ra, Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng nếu ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả toàn bộ số tiền nợ của ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T thì ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng hoặc ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý đối với tài sản khác của ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T để đảm bảo thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Đối với bị đơn ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T: Kết quả xác minh và ủy thác thu thập chứng cứ xác định ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T đã đi khỏi địa phương nhưng không xác định được hiện nay đang ở đâu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T bằng các hình thức niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung giải quyết vụ án, phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định, đã đi khỏi địa phương không xác định được nơi ở mới.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 1.477.150.685 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, lãi trong hạn đến ngày 20-5-2021 là 255.123.288 đồng, lãi quá hạn đến ngày 20-5-2021 là 22.027.397 đồng, đồng thời buộc ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T phải trả các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn kể từ sau ngày 20-5-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp, ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; trường hợp xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả nợ cho ngân hàng.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Bản sao Hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của ngân hàng, hồ sơ khách hàng; là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, còn có một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn; biên bản xem xét, thẩm định; kết quả thông báo, triệu tập đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền nợ gốc là 1.477.150.685 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/9127395/HĐTD ngày 25-10-2018, đồng thời yêu cầu xử lý thế chấp nếu ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T không trả được hoặc trả không đủ nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Từ ngày 06-7-2019 ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 06-01-2020 Ngân hàng khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng các hình thức như trực tiếp (đối với nguyên đơn); niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đúng theo Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, bị đơn ông Dương Trọng T và

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T không có mặt, kết quả xác minh tại địa phương xác định ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T đã đi khỏi địa phương và hiện nay không xác định được ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T đang ở đâu. Như vậy, ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T đã tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T vắng mặt đến lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T có vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Đắk Nông số tiền 1.200.000.000 đồng, thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/9127395/HĐTD ngày 25-10-2018, thời hạn vay là: 11 tháng kể từ ngày 25-10-2018; lịch trả nợ vay như sau: Nợ gốc trả 01 lần khi đến hạn. Nợ lãi trả 03 tháng/lần vào ngày 05 của tháng thuộc kỳ trả nợ; lãi suất cho vay: 10,0%/năm; mục đích vay là chăm sóc tiêu, cà phê, trồng mới tiêu và sửa chữa nhà ở. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T trả tổng số tiền nợ là 1.477.150.685 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, lãi trong hạn đến ngày 20-5-2021 là 255.123.288 đồng, lãi quá hạn đến ngày 20-5-2021 là 22.027.397 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T xác định số tiền vay, thời hạn trả nợ và lãi suất thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng; Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân cho ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T số tiền 1.200.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 06-7-2019 ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T đã trả lãi cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 53.260.274 đồng, số tiền nợ gốc và lãi còn lại ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T không trả cho Ngân hàng TMCP Đ khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Mặc dù vậy, ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T đã bỏ đi khỏi địa phương và không xác định được hiện nay đang ở đâu nên việc Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T trả nợ là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90,

91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T theo hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi trên số tiền gốc mà ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T còn nợ, cụ thể: lãi trong hạn là 255.123.288 đồng, lãi quá hạn là 22.027.397 đồng (tiền lãi tính đến ngày 20-5-2021).

[2.3]. Xét các Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/9127395/HĐTC, ngày 27-10-2016 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T, thấy rằng: Các Hợp đồng được lập thành văn bản, theo mẫu, có công chứng tại Văn phòng công chứng Đ ngày 27-10-2016; số công chứng 2068. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27-10-2016, tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất gồm:

Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 03, diện tích 13319,4m²;

Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 47, diện tích 7350m²;

Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 47, diện tích 9470m²;

Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 47, diện tích 5270m²;

Cả 04 thửa đất đều tọa lạc tại Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyết sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 230794, do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp ngày 15-9-2016 (thửa đất số 15) và số CD 319861, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26-5-2016 (các thửa đất số 10, 12, 13); Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông Trần Quốc T sau đó chuyển nhượng lại cho ông Dương Trọng T. Việc thế chấp đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Điều 298, Điều 299, 317, 320 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng thế chấp được lập giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T là hợp pháp, yêu cầu của khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 317, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 1.477.151.000đ (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu một trăm năm mươi mốt nghìn đồng (làm tròn)*), trong đó: Tiền nợ gốc là 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), lãi trong hạn là 255.123.000đ (*Hai trăm năm mươi lăm triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng (làm tròn)*), lãi quá hạn là 22.027.000đ (*Hai mươi hai triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng (làm tròn)*); lãi suất tính đến ngày 20-5-2021.

Trường hợp ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T để đảm bảo việc thu hồi nợ (*Theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/9127395/HĐTC ngày 27-10-2016*); Trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả toàn bộ số tiền nợ của ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T thì ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng hoặc ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý đối với tài sản khác của ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T để đảm bảo thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20-5-2021) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định: Do Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) nên buộc ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho ngân hàng số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Dương Trọng T và bà Nguyễn Thị T phải nộp 56.315.000đ (*Năm mươi sáu triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng (làm tròn)*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 25.119.000đ (*Hai mươi lăm triệu một trăm mười chín nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000288, ngày 14-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Mã Thị Kỳ